

**KẾ HOẠCH KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN GẮN VỚI XÂY DỰNG TỈNH NTM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 51/2021/NQ-HĐND TỈNH NĂM 2023**

*(Kèm theo quyết định số 873 /UBND-TCKH ngày 26 tháng 5 năm 2023)*

TT	Nội dung chính sách hỗ trợ	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ (Tr.đồng)	Tổng kinh phí NS tỉnh	
				Số lượng	Kinh Phí (Tr. Đồng)
	<b>Tổng cộng</b>				<b>9,252</b>
<b>I</b>	<b>NHÓM CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP</b>				<b>6,112</b>
<b>1</b>	<b>Chính sách phát triển trồng trọt</b>				<b>1,650</b>
1.1	Hỗ trợ sản xuất đạt chuẩn Vietgap	Giấy	30	5	150
1.2	Hỗ trợ sản xuất đạt tiêu chuẩn hữu cơ	Mô hình	250	6	1,500
<b>2</b>	<b>Chính sách phát triển chăn nuôi và dịch bệnh</b>				<b>462</b>
2.1	Hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc tập trung xây dựng mới hệ thống xử lý nước cho hoạt động giết mổ	Cơ sở	30	1	30
2.2	Hỗ trợ UBND cấp xã để thực hiện kiểm tra, giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm và kiểm soát hoạt động giết mổ trên địa bàn	Xã	24	16	384
2.3	Hỗ trợ Trung tâm UDKHKT&BVCTVN để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động giết mổ gia súc trên địa bàn	Cơ sở	14	4	48
<b>3</b>	<b>Phát triển ngành nghề NT</b>				<b>3,000</b>
1	Hỗ trợ kinh phí thực hiện bảo tồn phát triển làng nghề		1000	3	3,000
<b>4</b>	<b>Chính sách hỗ trợ liên kết</b>				<b>1,000</b>
<b>II</b>	<b>NHÓM CHÍNH SÁCH TÀI NGUYÊN</b>				<b>1,100</b>
1	Tập huấn phá bờ vùng bờ thửa khoản 1, Điều 5, NQ 151	ha	0.5	200	100

2	Phá bờ vùng bờ thửa khoản 2, Điều 5, NQ 151	ha	5	200	1,000
<b>III</b>	<b>NHÓM CHÍNH SÁCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>				<b>500</b>
1	Chế phẩm sinh học	gói	50%	33333	500
<b>IV</b>	<b>CHÍNH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH MÔI XÃ MỘT SẢN PHẨM</b>				<b>1,040</b>
1	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chuyển giao công nghệ, máy móc, trang thiết bị mới quy định tại Khoản 1, Điều 13	Sản phẩm	50%	3	245
2	Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng mới, mua sắm thiết bị cho kho, xưởng bảo quản, chế biến sản phẩm quy định tại Khoản 2, Điều 13	Sản phẩm	50%	3	355
3	Hỗ trợ phát triển sản phẩm bằng hình thức thương hiệu theo kết quả đầu ra, khi sản phẩm được cấp có thẩm quyền chứng nhận đạt chuẩn OCOP, quy định tại Khoản 1 Điều 14	Sản phẩm	120	3	360
4	Hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, cá nhân tham gia xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm OCOP tại các hội nghị, hội chợ OCOP tại Khoản 2, Điều 14	Cơ sở	50%	8	80
<b>V</b>	<b>CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LÃI SUẤT</b>				<b>500</b>
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn theo khoản c, Mục 2, Điều 16	DN		1	300
2	Hỗ trợ các đối tượng phát triển sản xuất theo khoản a, Mục 2, Điều 16	Hộ		10	200